

KỶ THI: TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
HỘI ĐỒNG THI: QUANG TRUNG

BẢNG GHI ĐIỂM THI

Khoá thi: 04/06/2025

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyển			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
1	200001	1	NGUYỄN HOÀI AN	Nam	15/09/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.00	1.75	3.25	
2	200002	1	PHẠM PHÚC AN	Nữ	30/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	4.25	4.75	
3	200003	1	BÙI QUỐC AN	Nam	11/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	7.00	5.25	
4	200004	1	NGUYỄN THANH AN	Nam	17/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.50	2.00	4.75	
5	200005	1	MAI ĐỖ QUỲNH ANH	Nữ	10/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	1.75	3.00	
6	200006	1	NGUYỄN HOÀNG ANH	Nam	13/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.00	0.50	3.25	
7	200007	1	LÊ HÙNG ANH	Nam	25/12/2010						Nguyễn Huệ				3.75	0.75	2.75	
8	200008	1	NGUYỄN LÊ ĐIỀU ANH	Nữ	13/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.00	3.75	3.75	
9	200009	1	TRẦN LÊ TUẤN ANH	Nam	09/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	8.50	9.50	
10	200010	1	PHAN NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	06/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	6.00	5.25	
11	200011	1	PHẠM TUẤN ANH	Nam	03/03/2010						Nguyễn Huệ				5.25	2.75	3.00	
12	200012	1	MẠC VÕ TUẤN ANH	Nam	08/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	1.50	3.00	
13	200013	1	MAI HỒ NGỌC ÁI	Nữ	16/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	5.50	4.25	
14	200014	1	TRẦN THÂN ÁI	Nữ	06/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	5.25	4.25	
15	200015	1	NGUYỄN NGỌC KIM ÁNH	Nữ	06/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	2.50	5.25	
16	200016	1	NGUYỄN NGỌC ẮN	Nam	11/04/2010						Nguyễn Huệ				1.25	0.75	4.50	
17	200017	1	TRẦN TRỌNG BÁ	Nam	27/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	1.50	5.25	
18	200018	1	TÙ CHÍ BẢO	Nam	22/01/2010						Nguyễn Huệ				3.75	0.75	4.25	
19	200019	1	LÊ GIA BẢO	Nam	02/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			7.25	3.50	2.50	
20	200020	1	NGÔ GIA BẢO	Nam	13/01/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			7.00	2.00	3.00	
21	200021	1	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	25/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	7.25	4.00	
22	200022	1	TRANG GIA BẢO	Nam	12/03/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			0.25	KT	KT	
23	200023	1	ĐỖ HUỲNH QUỐC BẢO	Nam	27/04/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.25	1.75	2.75	
24	200024	1	NGUYỄN MINH BẢO	Nam	09/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.75	0.50	2.50	
25	200025	2	TRẦN PHÚC BẢO	Nam	14/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.00	5.25	6.25	
26	200026	2	TRẦN THANH BẢO	Nam	10/08/2010						Nguyễn Huệ				2.50	5.75	3.25	
27	200027	2	MAI THÁI BẢO	Nam	03/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	7.00	4.00	
28	200028	2	HUỲNH CHÂU BĂNG	Nữ	19/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			7.00	6.50	6.75	
29	200029	2	TRƯƠNG NGỌC BĂNG	Nữ	17/10/2009						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.50	3.50	3.25	
30	200030	2	TRẦN NGỌC KHÁNH BĂNG	Nữ	28/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	8.00	8.75	
31	200031	2	VÔ NGUYỄN KIM BÌNH	Nữ	29/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	8.25	8.75	
32	200032	2	LÊ TỐNG YẾN BÌNH	Nữ	16/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	5.25	6.75	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
									ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
33	200033	2	HUỖNH VÕ NGỌC	BÍCH	Nữ	01/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	6.75	5.50	
34	200034	2	NGUYỄN MINH	CÁNH	Nam	18/03/2010						Nguyễn Huệ				1.00	1.50	3.00	
35	200035	2	NGUYỄN TRÚC	CẨM	Nữ	27/08/2009						Nguyễn Huệ				2.75	0.25	3.75	
36	200036	2	TRẦN ÁI MINH	CHÂU	Nữ	15/01/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.75	0.75	4.00	
37	200037	2	LÊ BẢO	CHÂU	Nữ	19/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	5.50	8.25	
38	200038	2	PHAN BẢO	CHÂU	Nữ	01/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	7.00	9.00	
39	200039	2	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	Nữ	26/07/2010						Nguyễn Huệ				2.75	3.00	4.25	
40	200040	2	TRẦN QUỲNH	CHI	Nữ	02/02/2010						Nguyễn Huệ				4.00	0.75	3.25	
41	200041	2	TRẦN THẢO	CHI	Nữ	30/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	3.50	2.75	
42	200042	2	NGUYỄN THÙY	CHI	Nữ	11/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	5.25	3.75	
43	200043	2	TRẦN MINH	CHIẾU	Nam	30/09/2010						Nguyễn Huệ				3.00	2.75	3.00	
44	200044	2	NGUYỄN NGỌC	CHÍNH	Nam	19/05/2010						Nguyễn Huệ				2.75	0.50	2.50	
45	200045	2	PHẠM CHÍ	CHUNG	Nam	27/09/2010						Nguyễn Huệ				3.50	0.25	2.50	
46	200046	2	PHẠM THÀNH	CÔNG	Nam	04/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	6.50	4.50	
47	200047	2	CÙ QUỐC	CƯỜNG	Nam	09/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	7.75	7.75	
48	200048	2	TRƯƠNG QUỐC	DANH	Nam	28/11/2010						Nguyễn Huệ				2.25	1.75	5.00	
49	200049	3	HUỖNH HẠO	DÂN	Nam	28/12/2010						Nguyễn Huệ				3.00	0.25	4.00	
50	200050	3	NGUYỄN CÔNG	DÂN	Nam	07/10/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.00	0.25	1.50	
51	200051	3	TÙNG NGỌC	DIỆP	Nữ	15/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	6.75	5.25	
52	200052	3	NGUYỄN THÀNH	DIỆP	Nam	09/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.75	0.00	1.75	
53	200053	3	ĐẶNG HIỂN	DIỆU	Nữ	09/02/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.25	0.25	4.25	
54	200054	3	NGUYỄN NGỌC THANH	DIỆU	Nữ	28/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.50	1.75	3.75	
55	200055	3	PHAN HOÀNG THÚY	DIỄM	Nữ	22/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	6.50	8.25	
56	200056	3	NGÔ QUỐC	DOANH	Nam	02/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			0.00	0.00	3.50	
57	200057	3	PHAN ANH	DUY	Nam	01/04/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.75	0.25	2.75	
58	200058	3	PHAN ĐẶNG KHÁNH	DUY	Nam	15/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	7.00	5.25	
59	200059	3	TRẦN ĐỨC	DUY	Nam	03/06/2009						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.25	0.25	2.25	
60	200060	3	PHẠM HỮU	DUY	Nam	07/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.75	0.75	2.75	
61	200061	3	NGUYỄN MẠNH HOÀNG	DUY	Nam	28/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.50	2.50	3.75	
62	200062	3	VÕ NGUYỄN KHÁNH	DUY	Nam	11/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	6.50	3.25	
63	200063	3	NGUYỄN NHẬT	DUY	Nam	13/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.00	0.50	5.00	
64	200064	3	TRẦN NHẬT	DUY	Nam	07/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	1.25	6.50	
65	200065	3	TẠ TUẤN	DUY	Nam	14/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.50	1.00	2.75	
66	200066	3	PHAN VĂN	DUY	Nam	30/07/2010						Nguyễn Huệ				4.50	0.75	3.25	
67	200067	3	TRẦN ĐẠI	ĐỪNG	Nam	31/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	8.00	7.50	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
68	200068	3	NGUYỄN QUỐC DŨNG	Nam	22/03/2010						Nguyễn Huệ				3.50	1.25	2.75	
69	200069	3	NGUYỄN TẤN DŨNG	Nam	27/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.00	0.25	2.50	
70	200070	3	TRIỆU NGUYỄN THÙY	Nữ	13/10/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.50	1.75	3.75	
71	200071	3	TRẦN THÁI DƯƠNG	Nam	25/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			0.00	0.00	4.25	
72	200072	3	MAI THỊ THÙY DƯƠNG	Nữ	16/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	6.75	4.00	
73	200073	4	BÙI LÊ NHÃ ĐAN	Nữ	03/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	6.00	4.50	
74	200074	4	NGUYỄN NGỌC LINH ĐAN	Nữ	24/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.25	5.75	1.50	
75	200075	4	VÕ QUỐC ĐẠI	Nam	02/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	7.75	6.75	
76	200076	4	NGUYỄN TẤN ĐẠI	Nam	23/08/2010						Nguyễn Huệ				4.50	1.75	2.00	
77	200077	4	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	Nam	21/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	1.75	2.50	
78	200078	4	NGUYỄN ĐỊNH ĐẠT	Nam	10/10/2010	1.0					Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	3.50	2.75	
79	200079	4	LÊ NGUYỄN THÀNH ĐẠT	Nam	12/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.50	4.50	3.00	
80	200080	4	TRẦN QUỐC ĐẠT	Nam	17/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.25	4.75	3.00	
81	200081	4	HUYỀN TẤN ĐẠT	Nam	09/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.00	6.25	5.00	
82	200082	4	NGUYỄN TẤN ĐẠT	Nam	15/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.00	3.00	3.50	
83	200083	4	ĐẶNG THÀNH ĐẠT	Nam	05/02/2010						Nguyễn Huệ				2.00	2.75	1.50	
84	200084	4	NGUYỄN TRẦN ĐẠT	Nam	03/03/2010						Quang Trung				6.75	8.25	8.00	
85	200085	4	NGÔ VĂN ĐẠT	Nam	02/05/2010						Nguyễn Huệ				1.75	0.25	2.50	
86	200086	4	NGUYỄN ĐĂNG	Nam	29/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.50	6.25	7.50	
87	200087	4	NGUYỄN CAO HẢI ĐĂNG	Nữ	24/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	5.50	7.50	
88	200088	4	NGUYỄN ĐÀO MINH ĐĂNG	Nam	23/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.75	2.25	2.00	
89	200089	4	VÕ HẢI ĐĂNG	Nam	19/09/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.25	1.00	3.00	
90	200090	4	NGUYỄN HỮU ĐĂNG	Nam	12/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	4.25	4.50	
91	200091	4	PHẠM KHÁNH ĐĂNG	Nam	07/08/2010						Nguyễn Huệ				2.00	1.00	3.50	
92	200092	4	TRẦN MINH ĐĂNG	Nam	24/01/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.75	2.50	4.50	
93	200093	4	TRẦN MINH ĐĂNG	Nam	24/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	5.75	5.00	
94	200094	4	NGUYỄN TẤN ĐỒNG	Nam	29/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	6.00	7.75	
95	200095	4	LÊ THÀNH ĐƯỢC	Nam	21/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.75	2.25	4.50	
96	200096	4	LÊ MINH ĐỨC	Nam	26/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	5.75	4.25	
97	200097	5	NGUYỄN HOÀNG GIA	Nam	20/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	7.75	3.75	
98	200098	5	VÕ NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	15/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.75	4.25	3.50	
99	200099	5	PHẠM THU GIANG	Nữ	14/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	3.50	7.00	
100	200100	5	NGUYỄN PHƯỚC GIẤU	Nam	21/06/2010						Nguyễn Huệ				3.50	1.75	5.00	
101	200101	5	ĐỖ ĐĂNG THANH HÀ	Nữ	01/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.50	1.00	4.25	
102	200102	5	TRẦN HỮU HÀ	Nam	23/12/2010						Nguyễn Huệ				3.75	3.25	4.50	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
103	200103	5	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG HÀ	Nữ	11/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	8.25	9.00	
104	200104	5	VÔ NGUYỄN CÔNG HÀO	Nam	08/03/2010						Nguyễn Huệ				3.50	1.75	4.25	
105	200105	5	NGUYỄN QUỐC HÀO	Nam	06/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	5.75	7.75	
106	200106	5	PHAN THANH HÀO	Nam	03/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	8.25	9.25	
107	200107	5	BÙI VĂN HÀO	Nam	02/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	7.00	8.25	
108	200108	5	ĐOÀN HỒNG HẠNH	Nữ	25/09/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.75	6.25	4.75	
109	200109	5	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	02/02/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.75	2.00	3.50	
110	200110	5	NGUYỄN HOÀN HẠO	Nam	12/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.00	0.75	3.00	
111	200111	5	TRẦN GIA HẢI	Nam	10/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.00	1.75	2.00	
112	200112	5	LÊ THU HẢI	Nữ	28/10/2010						Nguyễn Huệ				4.00	0.75	3.50	
113	200113	5	NGUYỄN TRƯỜNG HẢI	Nam	23/05/2010						Nguyễn Huệ				3.50	3.00	1.50	
114	200114	5	DƯƠNG BÍCH HÀO	Nữ	08/07/2010						Nguyễn Huệ				4.50	1.50	3.00	
115	200115	5	LÊ HOÀN HẠO	Nam	04/01/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	2.50	4.25	
116	200116	5	PHẠM MINH HÀO	Nam	10/03/2010						Nguyễn Huệ				2.00	0.25	3.75	
117	200117	5	NGUYỄN THANH HÀO	Nữ	15/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	3.25	3.75	
118	200118	5	LÊ BẢO HÂN	Nữ	11/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	8.50	9.00	
119	200119	5	TRẦN BẢO HÂN	Nữ	16/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	7.25	8.00	
120	200120	5	DƯƠNG GIA HÂN	Nữ	20/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	6.00	5.75	
121	200121	6	HUỶNH GIA HÂN	Nữ	23/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	5.25	3.50	
122	200122	6	TRƯỜNG GIA HÂN	Nữ	15/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	2.50	4.00	
123	200123	6	TRẦN HÂN HÂN	Nữ	04/08/2010	1.0					Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	5.25	6.00	
124	200124	6	ĐẶNG NGỌC HÂN	Nữ	08/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	1.00	4.00	
125	200125	6	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	24/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	6.50	6.25	
126	200126	6	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	17/10/2010						Nguyễn Huệ				6.00	3.25	5.00	
127	200127	6	NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	12/08/2010						Nguyễn Huệ				2.75	1.00	5.50	
128	200128	6	TRẦN NGỌC HÂN	Nữ	20/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	7.75	8.50	
129	200129	6	ĐỖ NGỌC BẢO HÂN	Nữ	12/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	6.00	6.00	
130	200130	6	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	Nữ	27/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	7.50	6.25	
131	200131	6	PHAN NGỌC GIA HÂN	Nữ	07/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	3.00	5.25	
132	200132	6	PHAN NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	10/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.00	3.00	4.50	
133	200133	6	THÁI NGUYỄN NGỌC HÂN	Nữ	30/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	7.00	6.25	
134	200134	6	TRẦN NGUYỄN THÚY HÂN	Nữ	13/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	4.50	5.00	
135	200135	6	NGUYỄN NHƯ BẢO HÂN	Nữ	25/10/2010						Nguyễn Huệ				3.75	4.75	4.75	
136	200136	6	HUỶNH PHƯƠNG HÂN	Nữ	12/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	6.75	8.50	
137	200137	6	PHAN TÂM HÂN	Nữ	01/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	5.75	7.50	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th. tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
									ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
138	200138	6	HỒ THỊ BẢO	HÀN	Nữ	14/10/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			7.00	3.00	3.50	
139	200139	6	LÊ THỊ BẢO	HÀN	Nữ	13/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.75	4.25	4.25	
140	200140	6	NGUYỄN MỸ	HÀNG	Nữ	04/04/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.75	2.00	4.00	
141	200141	6	NGUYỄN NGỌC DIỄM	HÀNG	Nữ	04/10/2010						Nguyễn Huệ				6.00	6.50	4.25	
142	200142	6	MẠC NGUYỄN THU	HÀNG	Nữ	13/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.00	6.25	4.75	
143	200143	6	PHẠM THỊ ÁNH	HÀNG	Nữ	16/09/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	2.00	4.25	
144	200144	6	ĐẶNG THỊ LÊ	HÀNG	Nữ	03/09/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.00	0.50	3.75	
145	200145	7	NGUYỄN THỊ MINH	HÀNG	Nữ	26/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	7.25	9.00	
146	200146	7	BÙI TRẦN CẨM	HÀNG	Nữ	20/07/2010						Nguyễn Huệ				2.00	0.25	3.25	
147	200147	7	NGUYỄN HOÀI BÍCH	HẬU	Nữ	01/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	6.50	4.00	
148	200148	7	NGUYỄN PHÚC	HẬU	Nữ	22/09/2010						Nguyễn Huệ				5.50	4.75	4.00	
149	200149	7	VÕ DIỆP MINH	HIỂN	Nữ	22/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	7.00	5.75	
150	200150	7	NGUYỄN PHƯƠNG	HIỂN	Nữ	15/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	7.00	4.50	
151	200151	7	NGUYỄN THỊ	HIỂN	Nữ	26/01/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.25	4.50	3.75	
152	200152	7	TRẦN THỊ	HIỂN	Nữ	10/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.75	5.25	4.25	
153	200153	7	HOÀNG THỊ THANH	HIỂN	Nữ	20/02/2010	1.0					Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.00	0.25	3.25	
154	200154	7	NGÔ DUY	HIẾU	Nam	18/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	7.00	7.50	
155	200155	7	NGUYỄN ĐẶNG BẢO	HIẾU	Nữ	10/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	7.00	5.75	
156	200156	7	HỒ NGỌC	HIẾU	Nam	29/03/2010	1.0					Nguyễn Huệ				3.00	0.25	2.50	
157	200157	7	NGUYỄN THỊ	HIẾU	Nữ	13/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	4.25	4.50	
158	200158	7	NGUYỄN THỊ THANH	HIẾU	Nữ	01/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	3.50	4.25	
159	200159	7	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	Nam	13/04/2008						Nguyễn Huệ				2.00	0.25	2.50	
160	200160	7	ĐOÀN TRUNG	HIẾU	Nam	27/09/2009						Nguyễn Huệ				3.00	0.25	1.75	
161	200161	7	TRẦN MINH	HIỆP	Nam	01/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	7.50	7.25	
162	200162	7	NGÔ THỊ HÒA	HIỆP	Nữ	22/06/2010						Nguyễn Huệ				5.50	3.75	4.00	
163	200163	7	NGUYỄN QUANG	HIỂN	Nam	21/07/2010						Nguyễn Huệ				4.50	1.75	5.00	
164	200164	7	LÊ QUỲNH	HOA	Nữ	09/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	6.75	6.00	
165	200165	7	NGUYỄN THỊ	HOA	Nữ	29/10/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.00	4.50	3.75	
166	200166	7	NGUYỄN THỊ BÍCH	HOA	Nữ	12/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.50	6.50	8.00	
167	200167	7	MẠC THỊ XUÂN	HOA	Nữ	17/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.00	2.50	3.75	
168	200168	7	NGUYỄN THANH	HOÀI	Nữ	03/04/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.50	3.25	4.25	
169	200169	8	TRƯƠNG VÕ THU	HOÀI	Nữ	05/01/2010						Nguyễn Huệ				5.00	5.50	6.25	
170	200170	8	LÊ XUÂN	HOÀI	Nam	07/04/2010						Nguyễn Huệ				3.50	1.25	3.75	
171	200171	8	NGUYỄN BÁ	HOÀNG	Nam	06/09/2010						Nguyễn Huệ				3.00	1.75	3.00	
172	200172	8	NGUYỄN DUY	HOÀNG	Nam	07/09/2010						Nguyễn Huệ				3.50	1.50	4.00	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
173	200173	8	ĐỖ HUY HOÀNG	Nam	09/03/2010						Nguyễn Huệ				1.25	0.50	3.75	
174	200174	8	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	13/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	7.75	9.00	
175	200175	8	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	17/09/2010						Nguyễn Huệ				4.00	1.00	2.00	
176	200176	8	LÊ MINH HOÀNG	Nam	18/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	4.50	3.50	
177	200177	8	PHẠM MINH HOÀNG	Nam	03/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			1.75	0.75	3.25	
178	200178	8	NGUYỄN PHAN HUY HOÀNG	Nam	21/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	8.25	7.00	
179	200179	8	DƯƠNG THỊ NGỌC HOÀNG	Nữ	21/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	6.50	7.25	
180	200180	8	NGUYỄN VŨ HOÀNG	Nam	23/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	5.75	6.00	
181	200181	8	NGUYỄN BẢO NGỌC HÒA	Nữ	13/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	6.50	6.25	
182	200182	8	VÕ THÁI TRUNG HÒA	Nam	16/06/2009						Nguyễn Huệ				1.25	0.00	4.00	
183	200183	8	LÊ THỊ KHÁNH HÒA	Nữ	18/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			0.00	0.00	1.00	
184	200184	8	NGUYỄN VĂN HIỀN HÒA	Nữ	25/06/2010						Quang Trung				4.00	3.00	6.00	
185	200185	8	VÕ MINH HỌC	Nam	04/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	7.50	4.75	
186	200186	8	NGUYỄN THỊ HỒNG	Nữ	10/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	2.50	4.75	
187	200187	8	NGUYỄN QUỐC HỘI	Nam	09/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	5.50	4.75	
188	200188	8	VÕ THỊ BÍCH HỢP	Nữ	25/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.75	7.25	5.25	
189	200189	8	NGUYỄN ĐÀO BÀ HUY	Nam	16/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.00	7.50	9.25	
190	200190	8	ĐỖ GIA HUY	Nam	21/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	3.75	3.25	
191	200191	8	NGUYỄN GIA HUY	Nam	26/11/2010						Nguyễn Huệ				2.00	2.75	1.25	
192	200192	8	TRÌNH GIA HUY	Nam	03/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			0.75	4.25	2.75	
193	200193	9	TRƯỜNG GIA HUY	Nam	13/04/2010	1.0					Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.25	0.00	2.00	
194	200194	9	LÝ HÀ BẢO HUY	Nam	21/01/2010						Nguyễn Huệ				1.50	0.00	3.25	
195	200195	9	NGUYỄN HOÀNG HUY	Nam	21/02/2010						Nguyễn Huệ				1.75	0.25	2.50	
196	200196	9	HỒ KIM HUY	Nam	28/10/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.50	2.50	4.00	
197	200197	9	LÝ LÊ XUÂN HUY	Nam	10/04/2009						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.00	1.50	3.00	
198	200198	9	CHÂU MINH HUY	Nam	30/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.00	0.50	2.50	
199	200199	9	TRẦN NGỌC BẢO HUY	Nam	18/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.00	5.50	5.25	
200	200200	9	NGUYỄN NGỌC GIA HUY	Nam	10/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.00	5.00	4.75	
201	200201	9	ĐỖ NHẬT HUY	Nam	03/01/2010						Nguyễn Huệ				2.50	1.50	4.50	
202	200202	9	ĐỖ NHẬT HUY	Nam	07/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	2.25	4.75	
203	200203	9	NGÔ NHẬT HUY	Nam	18/04/2009						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.50	2.50	4.50	
204	200204	9	MAI QUỐC HUY	Nam	02/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.00	1.00	4.50	
205	200205	9	MAI QUỐC HUY	Nam	19/06/2010						Nguyễn Huệ				4.75	4.25	3.00	
206	200206	9	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	02/04/2008						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.50	0.75	3.25	
207	200207	9	NGUYỄN QUỐC HUY	Nam	23/12/2010						Nguyễn Huệ				2.50	1.00	2.00	



STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
208	200208	9	PHẠM QUỐC HUY	Nam	13/08/2010						Nguyễn Huệ				2.00	0.25	3.25	
209	200209	9	NGUYỄN THANH QUANG HUY	Nam	20/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	5.00	2.75	
210	200210	9	ĐẶNG THÀNH HUY	Nam	10/12/2009						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.00	1.25	4.25	
211	200211	9	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	22/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	5.50	7.75	
212	200212	9	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	09/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			2.25	4.25	5.50	
213	200213	9	NGUYỄN VŨ HUY	Nam	23/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	3.50	6.50	
214	200214	9	TRẦN NGỌC KHÁNH HUYỀN	Nữ	07/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	6.75	9.00	
215	200215	9	MANG TUẤN HÙNG	Nam	11/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	3.75	4.50	
216	200216	9	TRẦN VIỆT HÙNG	Nam	21/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	9.75	8.50	
217	200217	10	LÊ XUÂN HÙNG	Nam	28/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	8.00	8.25	
218	200218	10	LÊ HÙNG	Nam	22/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	7.50	3.25	
219	200219	10	NGÔ ĐÌNH HUNG	Nam	06/04/2010						Nguyễn Huệ				1.00	0.00	3.50	
220	200220	10	NGUYỄN QUỐC HUNG	Nam	27/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	1.75	3.00	
221	200221	10	NGÔ THÀNH HUNG	Nam	21/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.25	8.25	8.50	
222	200222	10	NGUYỄN VĂN BẢO HUNG	Nam	25/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	7.00	7.00	
223	200223	10	LÊ NGUYỄN ĐÔNG KA	Nữ	20/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.25	3.00	4.00	
224	200224	10	NGUYỄN KHA	Nam	02/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	3.50	4.25	
225	200225	10	ĐẶNG NGỌC KHA	Nam	13/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.00	6.50	5.00	
226	200226	10	BÙI AN KHANG	Nam	13/10/2010						Nguyễn Huệ				4.25	5.00	2.50	
227	200227	10	NGUYỄN DUY KHANG	Nam	16/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	6.50	7.75	
228	200228	10	PHẠM GIA KHANG	Nam	11/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	8.00	9.50	
229	200229	10	HUỶNH HỒ MINH KHANG	Nam	15/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.50	1.50	2.00	
230	200230	10	NGUYỄN HỮU KHANG	Nam	20/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	3.50	2.00	
231	200231	10	VĂN LÂM TUẤN KHANG	Nam	27/02/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.50	4.75	2.50	
232	200232	10	VÕ NGÔ VĨNH KHANG	Nam	13/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.00	3.75	5.25	
233	200233	10	ĐOÀN NGUYỄN KHANG	Nam	15/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	7.75	7.25	
234	200234	10	NGUYỄN NHẬT KHANG	Nam	16/04/2009						Nguyễn Huệ				0.00	0.50	1.75	
235	200235	10	TRẦN PHÚC KHANG	Nam	30/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.25	1.75	1.25	
236	200236	10	NGUYỄN PHƯỚC KHANG	Nam	13/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	3.75	5.00	
237	200237	10	TRẦN QUỐC KHANG	Nam	18/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	6.50	5.25	
238	200238	10	THẨM VĂN KHANG	Nam	06/12/2010						Nguyễn Huệ				1.75	1.50	1.75	
239	200239	10	LÊ BẢO KHANH	Nam	28/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.25	1.50	2.75	
240	200240	10	TRẦN VÔ AN KHANH	Nam	07/12/2009						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.00	1.00	2.25	
241	200241	11	NGUYỄN ĐÀO KIM KHÁNH	Nữ	01/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	7.50	9.50	
242	200242	11	MAI MINH KHÁNH	Nam	10/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.75	6.00	2.75	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
									ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
243	200243	11	NGUYỄN NGÂN	KHÁNH	Nữ	15/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	6.50	9.75	
244	200244	11	BÙI QUỐC	KHÁNH	Nam	02/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	7.25	5.50	
245	200245	11	CÙ QUANG	KHẢI	Nam	01/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	7.50	6.00	
246	200246	11	HỒ GIA	KHIÊM	Nam	18/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	5.75	8.50	
247	200247	11	NGUYỄN TẤN	KHIÊM	Nam	16/03/2010						Nguyễn Huệ				3.50	3.25	3.25	
248	200248	11	NGUYỄN ANH	KHOA	Nam	27/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	4.75	5.50	
249	200249	11	NGUYỄN DUY	KHOA	Nam	26/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	7.25	6.25	
250	200250	11	TẠ ĐĂNG	KHOA	Nam	07/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	8.00	9.00	
251	200251	11	TRẦN ĐĂNG	KHOA	Nam	12/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	1.50	5.25	
252	200252	11	MAI ĐỖ QUỐC	KHOA	Nam	19/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.00	5.50	8.50	
253	200253	11	ĐẶNG HUỲNH ĐĂNG	KHOA	Nam	21/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	7.75	9.75	
254	200254	11	NGUYỄN NHẤT	KHOA	Nam	18/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			KT	KT	KT	
255	200255	11	VÔ PHAN	KHOA	Nam	20/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			KT	KT	KT	
256	200256	11	CÙ PHƯỚC	KHOA	Nam	02/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	7.75	7.00	
257	200257	11	NGUYỄN TÂN	KHOA	Nam	06/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.25	1.50	4.00	
258	200258	11	QUÁCH THANH	KHOA	Nam	30/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.75	6.75	4.00	
259	200259	11	NGUYỄN TRẦN DUY	KHOA	Nam	09/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.00	5.75	2.50	
260	200260	11	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG	KHOA	Nam	10/01/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.00	5.25	6.50	
261	200261	11	PHẠM VĂN	KHOA	Nam	29/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	7.25	4.75	
262	200262	11	HUỲNH ĐĂNG	KHÔI	Nam	27/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.50	4.00	4.50	
263	200263	11	ĐẶNG MINH	KHÔI	Nam	12/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	1.50	2.00	
264	200264	11	TRƯƠNG NHẬT	KHÔI	Nam	05/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	6.50	6.75	
265	200265	12	HỒ TUẤN	KHÔI	Nam	03/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	3.25	6.50	
266	200266	12	DƯƠNG VÕ TRẦN NGỌC	KHÔI	Nữ	24/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.75	2.75	4.50	
267	200267	12	ĐỖ HOÀNG MINH	KHUẾ	Nữ	18/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	4.00	7.00	
268	200268	12	HUỲNH ĐĂNG	KIÊN	Nam	13/04/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.75	2.50	5.00	
269	200269	12	NGUYỄN	KIỆT	Nam	21/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	5.50	5.25	
270	200270	12	THÁI DUY	KIỆT	Nam	16/04/2010						Nguyễn Huệ				2.50	0.50	3.50	
271	200271	12	MAI HUỲNH ANH	KIỆT	Nam	03/02/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.75	1.00	2.50	
272	200272	12	NGUYỄN LÊ QUỐC	KIỆT	Nam	02/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	2.75	6.25	
273	200273	12	NGUYỄN QUỐC	KIỆT	Nam	07/12/2010						Nguyễn Huệ				4.00	2.75	4.00	
274	200274	12	TRẦN TUẤN	KIỆT	Nam	23/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.25	3.00	5.50	
275	200275	12	NGUYỄN XUÂN	KIỆT	Nam	24/04/2010						Nguyễn Huệ				5.25	3.25	5.50	
276	200276	12	LÊ NGUYỄN THIÊN	KIM	Nữ	04/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	5.25	8.00	
277	200277	12	TRỊNH THIÊN	KỶ	Nam	27/02/2010						Nguyễn Huệ				2.25	1.75	4.00	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
278	200278	12	NGUYỄN ĐỨC LAM	Nam	22/04/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.25	1.00	3.75	
279	200279	12	NGUYỄN KHÁNH LAM	Nữ	26/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	7.75	5.75	
280	200280	12	THÁI NGUYỄN BÍCH LAM	Nữ	27/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	5.75	4.75	
281	200281	12	ĐÌNH THỊ THU LAN	Nữ	02/02/2010	1.0					Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.25	0.00	2.75	
282	200282	12	BÙI THỊ TỬ LAN	Nữ	09/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.50	6.00	5.00	
283	200283	12	NGÔ HOÀNG LÂM	Nam	14/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	7.75	7.00	
284	200284	12	NGUYỄN LÊ THANH LÂM	Nam	03/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.75	0.75	4.75	
285	200285	12	NGUYỄN THANH LÂM	Nam	07/11/2010						Nguyễn Huệ				3.00	0.50	2.00	
286	200286	12	HUỶNH THÙY LÂM	Nữ	02/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	2.25	3.50	
287	200287	12	NGUYỄN TÙNG LÂM	Nam	31/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	7.25	2.75	
288	200288	12	LÊ MAI LẬP	Nam	19/08/2010						Nguyễn Huệ				2.75	1.50	2.75	
289	200289	13	NGUYỄN THỊ MỸ LỆ	Nữ	30/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	5.25	5.00	
290	200290	13	HỒ NGỌC LIÊM	Nam	30/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	1.00	3.25	
291	200291	13	THÁI BÌNH PHƯƠNG LINH	Nữ	03/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	5.50	7.75	
292	200292	13	NGUYỄN HÀ LINH	Nữ	10/02/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.75	2.00	5.25	
293	200293	13	NGUYỄN HOA LINH	Nữ	13/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	9.75	9.00	
294	200294	13	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nữ	18/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.75	0.75	2.75	
295	200295	13	ĐOÀN LỆ KHÁNH LINH	Nữ	24/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	7.50	7.25	
296	200296	13	NGUYỄN NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	18/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	6.75	9.00	
297	200297	13	CHÁU PHAN THÙY LINH	Nữ	27/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	7.50	7.50	
298	200298	13	ĐOÀN PHƯƠNG LINH	Nữ	11/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	8.50	8.75	
299	200299	13	NGUYỄN QUỐC LINH	Nam	11/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	7.25	5.75	
300	200300	13	TỬ THỊ KIỀU LINH	Nữ	08/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	7.25	4.75	
301	200301	13	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	30/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	3.25	3.25	
302	200302	13	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	02/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			7.00	6.75	2.50	
303	200303	13	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	28/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	4.25	4.25	
304	200304	13	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	22/10/2010						Nguyễn Huệ				3.25	0.25	2.50	
305	200305	13	NGUYỄN THÙY LINH	Nữ	11/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	6.75	8.50	
306	200306	13	LÊ TẠNG TIỂU LOAN	Nữ	10/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	6.25	5.00	
307	200307	13	NGUYỄN THỊ BÍCH LOAN	Nữ	10/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	8.75	7.50	
308	200308	13	HUỶNH THỊ THANH LOAN	Nữ	27/09/2010						Nguyễn Huệ				5.00	1.75	3.00	
309	200309	13	NGUYỄN ĐỨC LONG	Nam	11/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.50	2.50	3.75	
310	200310	13	NGUYỄN HOÀNG THIÊN LONG	Nam	10/07/2010	1.0					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	4.00	6.50	
311	200311	13	PHAN KIM LONG	Nam	23/09/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.50	3.25	5.75	
312	200312	13	CAO PHI LONG	Nam	01/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	6.50	8.00	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
313	200313	14	NGUYỄN THÁI LONG	Nam	13/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.00	2.00	2.50	
314	200314	14	NGUYỄN DUY LỢI	Nam	26/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	8.75	9.00	
315	200315	14	NGUYỄN THÀNH LUÂN	Nam	05/03/2010						Nguyễn Huệ				3.75	2.00	4.75	
316	200316	14	BÙI NGUYỄN HOÀNG LƯỢNG	Nam	19/09/2010						Nguyễn Huệ				2.50	0.50	5.00	
317	200317	14	NGUYỄN THỊ HỒNG LỰA	Nữ	03/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	6.75	4.50	
318	200318	14	TRẦN VĂN LUNG	Nam	16/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.50	2.50	4.25	
319	200319	14	BÙI HOÀNG LỰC	Nam	04/09/2010						Nguyễn Huệ				3.75	1.25	1.25	
320	200320	14	NGUYỄN TẤN LỰC	Nam	23/10/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.00	3.00	2.75	
321	200321	14	HUYỀN NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	12/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	6.00	4.00	
322	200322	14	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	21/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	7.00	5.25	
323	200323	14	NGUYỄN THỊ CẨM LY	Nữ	29/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.50	1.75	3.75	
324	200324	14	NGUYỄN THỊ KIỀU LY	Nữ	22/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.00	1.25	4.00	
325	200325	14	LÊ THỊ KIM LY	Nữ	28/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.00	5.00	4.75	
326	200326	14	NGUYỄN THỊ LY LY	Nữ	05/06/2010						Nguyễn Huệ				7.00	1.00	3.00	
327	200327	14	VƯƠNG TRẦN TRÚC LY	Nữ	26/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.25	3.75	4.25	
328	200328	14	NGUYỄN TRÚC LY	Nữ	03/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	6.75	4.75	
329	200329	14	NGUYỄN TRÚC LY	Nữ	09/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	4.75	3.75	
330	200330	14	HỨA VĂN THẢO LY	Nữ	08/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.50	5.25	5.25	
331	200331	14	TỔNG VÕ KHÁNH LY	Nữ	23/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	5.50	6.50	
332	200332	14	VÕ THẾ MẠNH	Nam	27/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	7.25	7.75	
333	200333	14	NGUYỄN THỊ TRIỀU MẾN	Nữ	15/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	7.25	8.00	
334	200334	14	PHẠM HÀ NHÃ MI	Nữ	13/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	8.50	7.50	
335	200335	14	ĐẶNG HOÀNG MINH	Nam	01/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	7.25	5.75	
336	200336	14	BÙI NHẬT MINH	Nam	22/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.50	3.50	5.00	
337	200337	15	PHẠM THÁI MINH	Nam	13/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	6.00	5.50	
338	200338	15	HỒ VĂN MINH	Nam	05/04/2010						Nguyễn Huệ				4.75	4.25	5.00	
339	200339	15	LÊ ÁI MY	Nữ	30/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	5.75	5.00	
340	200340	15	TRẦN ÁI MY	Nữ	18/10/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.50	2.50	4.50	
341	200341	15	NGUYỄN HÀ TRÀ MY	Nữ	25/01/2010						Nguyễn Huệ				6.50	1.00	3.50	
342	200342	15	NGUYỄN LÊ HỒNG MY	Nữ	25/09/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.25	7.00	4.50	
343	200343	15	TRẦN NGUYỄN QUỲNH MY	Nữ	30/04/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.50	2.25	4.75	
344	200344	15	VÕ NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	26/10/2010						Nguyễn Huệ				5.50	4.25	3.75	
345	200345	15	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	Nữ	10/04/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.25	4.25	4.25	
346	200346	15	ĐẶNG THỊ TRÀ MY	Nữ	29/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	6.50	5.50	
347	200347	15	LÊ THỊ TRÀ MY	Nữ	04/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	6.25	6.25	



STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
348	200348	15	LÊ THỊ TRÀ MY	Nữ	27/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	2.50	4.25	
349	200349	15	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	07/12/2010						Nguyễn Huệ				5.50	4.25	5.75	
350	200350	15	TRẦN VÔ TRÀ MY	Nữ	15/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	3.25	3.25	
351	200351	15	NGUYỄN NGỌC LÊ NA	Nữ	25/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	6.75	7.75	
352	200352	15	LÝ BẢO NAM	Nam	05/11/2010						Nguyễn Huệ				4.00	2.50	4.75	
353	200353	15	LÝ HẠO NAM	Nam	23/07/2010						Nguyễn Huệ				3.00	1.75	5.00	
354	200354	15	TRẦN THỊ ÁI NGA	Nữ	25/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	6.50	7.75	
355	200355	15	ĐẶNG THỊ THÚY NGA	Nữ	26/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	6.50	4.00	
356	200356	15	NGUYỄN KHÁNH NGÂN	Nữ	27/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	6.75	7.25	
357	200357	15	NGUYỄN LÝ THÚY NGÂN	Nữ	10/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.50	0.25	4.00	
358	200358	15	TRẦN NGUYỄN THÚY NGÂN	Nữ	01/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	2.50	5.00	
359	200359	15	BÙI THANH NGÂN	Nữ	16/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.25	5.75	3.75	
360	200360	15	CAO THANH NGÂN	Nữ	25/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	6.00	6.75	
361	200361	16	NGUYỄN THANH NGÂN	Nữ	01/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	8.00	7.50	
362	200362	16	TRẦN THANH NGÂN	Nữ	08/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	6.75	4.50	
363	200363	16	NGUYỄN THẢO NGÂN	Nữ	07/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	6.75	9.00	
364	200364	16	NGUYỄN THỊ KHÁNH NGÂN	Nữ	27/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	6.25	4.75	
365	200365	16	KIỀU THỊ KIM NGÂN	Nữ	15/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.25	4.75	5.00	
366	200366	16	LÊ THỊ KIM NGÂN	Nữ	14/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	6.25	5.00	
367	200367	16	TRẦN THỊ PHƯƠNG NGÂN	Nữ	13/07/2010						Nguyễn Huệ				1.75	3.25	4.75	
368	200368	16	LÊ THỊ THANH NGÂN	Nữ	13/10/2010	1.0					Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.00	3.00	3.00	
369	200369	16	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	Nữ	01/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	4.75	7.75	
370	200370	16	LÊ TRẦN KIM NGÂN	Nữ	12/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	7.50	6.25	
371	200371	16	ĐỖ HỮU NGHỀ	Nam	12/04/2010						Nguyễn Huệ				3.25	5.50	3.75	
372	200372	16	NGUYỄN HÀ ĐÔNG NGHỈ	Nữ	23/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			1.25	2.75	5.00	
373	200373	16	VÂN NGUYỄN PHƯƠNG NGHỈ	Nữ	14/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	6.00	9.50	
374	200374	16	NGUYỄN THỊ BÚT NGHIÊN	Nữ	31/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.50	1.00	3.25	
375	200375	16	TÔ DƯƠNG HUY NGHĨA	Nam	14/05/2010						Nguyễn Huệ				4.00	1.00	3.00	
376	200376	16	NGUYỄN HỮU NGHĨA	Nam	06/02/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.50	0.50	3.00	
377	200377	16	TRẦN KIM NGOAN	Nữ	05/07/2010						Nguyễn Huệ				3.25	0.00	2.75	
378	200378	16	HỒ NGUYỄN NGỌC NGOAN	Nữ	31/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	5.75	4.50	
379	200379	16	VÂN THỊ BÍCH NGOAN	Nữ	08/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.75	2.75	3.50	
380	200380	16	ĐỖ BẢO NGỌC	Nữ	24/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	6.25	8.50	
381	200381	16	NGUYỄN BÍCH NGỌC	Nữ	04/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	7.25	5.00	
382	200382	16	VÔ HUỖNH KIỀU NGỌC	Nữ	24/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	7.25	7.00	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
									ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
383	200383	16	HUỖNH KHÁNH	NGỌC	Nữ	28/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.75	6.25	3.25	
384	200384	16	TRƯỜNG THỊ ÁNH	NGỌC	Nữ	02/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	3.00	3.50	
385	200385	17	VŨ THỊ HỒNG	NGỌC	Nữ	10/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.50	2.00	4.75	
386	200386	17	PHÙNG VÕ BẢO	NGỌC	Nữ	25/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	4.00	5.00	
387	200387	17	NGUYỄN ĐỨC	NGUYỄN	Nam	27/08/2010						Nguyễn Huệ				0.50	0.00	2.00	
388	200388	17	CHÂU GIA	NGUYỄN	Nam	10/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	6.50	7.25	
389	200389	17	NGUYỄN HOÀNG THẢO	NGUYỄN	Nữ	29/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	6.00	4.50	
390	200390	17	TRẦN MINH	NGUYỄN	Nam	20/02/2010						Nguyễn Huệ				0.75	1.50	3.75	
391	200391	17	NGUYỄN NGỌC THẢO	NGUYỄN	Nữ	06/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	6.25	5.75	
392	200392	17	TRẦN NGUYỄN GIA	NGUYỄN	Nữ	08/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.50	6.00	6.00	
393	200393	17	LÊ NHẬT	NGUYỄN	Nam	24/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	5.25	6.50	
394	200394	17	ĐẶNG THẢO	NGUYỄN	Nữ	07/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	7.25	3.50	
395	200395	17	NGUYỄN THẢO	NGUYỄN	Nữ	16/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.75	1.50	4.00	
396	200396	17	PHAN THẢO	NGUYỄN	Nữ	01/11/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.50	3.25	4.25	
397	200397	17	VĂN LƯU	NGUYỄN	Nam	05/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	5.75	9.25	
398	200398	17	TRẦN VƯƠNG THANH	NHÂN	Nữ	23/03/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.50	0.25	4.75	
399	200399	17	MAI PHONG	NHÃ	Nam	15/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.25	0.25	3.50	
400	200400	17	NGUYỄN THỊ THANH	NHÃ	Nữ	15/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	5.25	5.50	
401	200401	17	NGUYỄN BÁ	NHÂN	Nam	07/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.00	1.25	4.25	
402	200402	17	HỒ HỮU	NHÂN	Nam	13/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			2.25	2.75	5.00	
403	200403	17	NGUYỄN MINH	NHÂN	Nam	05/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	8.00	9.50	
404	200404	17	LÊ NGUYỄN THÀNH	NHÂN	Nam	05/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	7.50	7.75	
405	200405	17	TRẦN THANH	NHÂN	Nam	18/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	7.50	8.75	
406	200406	17	LÊ THÀNH	NHÂN	Nam	14/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.50	8.25	7.75	
407	200407	17	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	Nam	18/09/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.75	3.25	7.00	
408	200408	17	NGUYỄN THÀNH	NHÂN	Nam	11/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	2.25	2.50	
409	200409	18	NGUYỄN THÁI	NHÂN	Nam	28/02/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.50	1.00	2.50	
410	200410	18	ĐẶNG THẾ	NHÂN	Nam	17/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	3.75	3.00	
411	200411	18	NGUYỄN THỊ ÁI	NHÂN	Nữ	24/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.50	1.00	2.75	
412	200412	18	DƯƠNG THỊ THIÊN	NHÂN	Nữ	19/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.50	6.50	8.00	
413	200413	18	NGUYỄN CAO	NHẤT	Nam	30/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	9.75	7.50	
414	200414	18	TRẦN LONG	NHẬT	Nam	06/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	8.00	8.00	
415	200415	18	TRẦN MINH	NHẬT	Nam	20/03/2010						Nguyễn Huệ				4.25	3.25	3.25	
416	200416	18	NGUYỄN PHAN MINH	NHẬT	Nam	01/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	8.75	9.50	
417	200417	18	HỒ THANH	NHẬT	Nam	22/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	8.00	6.50	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
418	200418	18	VÕ VĂN NHẬT	Nam	15/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	7.00	5.25	
419	200419	18	MAI AI	Nữ	22/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	6.50	9.75	
420	200420	18	NGUYỄN ĐỖ THANH	NHI	17/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.75	6.50	4.75	
421	200421	18	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	NHI	31/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	6.00	3.00	
422	200422	18	NGUYỄN NGỌC	NHI	01/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	6.75	4.50	
423	200423	18	NGUYỄN NGỌC	NHI	04/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	7.00	5.50	
424	200424	18	NGUYỄN NGỌC	NHI	10/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	2.50	3.25	
425	200425	18	HUỖNH NGỌC BẢO	NHI	20/04/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			8.00	5.00	6.25	
426	200426	18	NGUYỄN PHAN BẢO	NHI	05/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	7.50	9.00	
427	200427	18	PHẠM PHƯƠNG	NHI	11/10/2010						Nguyễn Huệ				4.75	2.25	5.00	
428	200428	18	HỒ QUỐC	NHI	11/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	4.50	2.75	
429	200429	18	NGUYỄN THÁI NGỌC	NHI	09/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	4.50	5.75	
430	200430	18	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	17/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	7.00	5.00	
431	200431	18	NGUYỄN YẾN	NHI	15/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	7.75	9.75	
432	200432	18	TÔ YẾN	NHI	18/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	4.00	6.00	
433	200433	19	TRẦN YẾN	NHI	24/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	8.25	6.25	
434	200434	19	HUỖNH BÍCH	NHIÊN	28/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	7.25	9.75	
435	200435	19	BÙI HẠO	NHIÊN	30/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	8.75	5.25	
436	200436	19	HỒ THỊ	NHI	19/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.25	0.00	2.25	
437	200437	19	CAO HÀ TUYẾT	NHUNG	07/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	4.75	6.00	
438	200438	19	ĐINH NGUYỄN CẨM	NHUNG	12/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	7.75	6.00	
439	200439	19	LÊ NGUYỄN CẨM	NHUNG	12/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	5.00	7.25	
440	200440	19	LÊ THỊ CẨM	NHUNG	12/03/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.25	2.00	3.50	
441	200441	19	VÕ THỊ HỒNG	NHUNG	08/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	6.00	4.75	
442	200442	19	NGUYỄN ÁNH	NHƯ	18/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			7.00	7.25	4.00	
443	200443	19	NGUYỄN BÍCH	NHƯ	04/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	7.25	5.50	
444	200444	19	PHAN KIỀU	NHƯ	15/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	4.25	4.50	
445	200445	19	LÊ MAI BẢO	NHƯ	23/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	9.00	8.00	
446	200446	19	TRẦN NGÔ KIỀU	NHƯ	05/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	6.75	7.25	
447	200447	19	LÊ NGÔ TÂM	NHƯ	09/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.00	1.75	3.25	
448	200448	19	LÊ NGUYỄN KIỀU	NHƯ	31/01/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.75	2.25	4.50	
449	200449	19	TRẦN NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	20/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.50	4.50	5.50	
450	200450	19	LÊ QUỲNH	NHƯ	01/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	7.25	8.50	
451	200451	19	NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	16/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	3.75	5.00	
452	200452	19	PHÙNG QUỲNH	NHƯ	19/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	7.00	9.25	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyển			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
453	200453	19	LÂM TÂM NHƯ	Nữ	16/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.75	7.25	7.25	
454	200454	19	LÂM TÂM NHƯ	Nữ	09/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	5.00	7.50	
455	200455	19	NGUYỄN TÂM NHƯ	Nữ	12/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	5.00	6.25	
456	200456	19	PHAN THỊ BẢO NHƯ	Nữ	14/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	7.00	5.75	
457	200457	20	NGUYỄN TRẦN YẾN NHƯ	Nữ	08/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	6.50	7.50	
458	200458	20	TRẦN LÂM GIA NI	Nữ	02/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	8.75	8.25	
459	200459	20	PHẠM MI NI	Nữ	16/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	6.00	6.00	
460	200460	20	TRẦN THỊ DIỆU NI	Nữ	07/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	4.25	4.00	
461	200461	20	PHÙNG NGỌC NINH	Nam	30/04/2010						Nguyễn Huệ				2.50	2.50	4.75	
462	200462	20	LÊ PHƯƠNG OANH	Nữ	03/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.75	5.25	3.50	
463	200463	20	TRƯỜNG ĐOÀN PHÁT	Nam	14/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	6.25	5.75	
464	200464	20	NGUYỄN HOÀN NAM PHÁT	Nam	24/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	7.50	6.50	
465	200465	20	NGUYỄN HÒA PHÁT	Nam	06/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	7.00	2.75	
466	200466	20	LÊ HUỖNH TIẾN PHÁT	Nam	25/09/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.75	5.75	5.75	
467	200467	20	HỨA LÊ VĂN PHÁT	Nam	14/03/2010						Nguyễn Huệ				4.25	2.00	2.50	
468	200468	20	HUỖNH TẤN PHÁT	Nam	08/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			2.50	3.50	6.75	
469	200469	20	TRẦN VINH PHÁT	Nam	27/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	6.75	7.75	
470	200470	20	NGUYỄN HUỖNH BẢO PHI	Nam	25/04/2010						Nguyễn Huệ				3.75	4.00	2.75	
471	200471	20	ĐÌNH DUY PHONG	Nam	07/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	6.25	7.00	
472	200472	20	PHẠM THÀNH PHONG	Nam	13/10/2009						Nguyễn Huệ				3.25	3.00	3.25	
473	200473	20	NGUYỄN THÀNH PHÚ	Nam	08/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.00	8.00	6.00	
474	200474	20	NGUYỄN ĐẶNG HỒNG PHÚC	Nam	04/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	7.75	9.25	
475	200475	20	BÙI GIA PHÚC	Nam	21/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	8.00	7.50	
476	200476	20	BÙI GIA PHÚC	Nam	18/10/2010						Nguyễn Huệ				1.50	0.25	4.25	
477	200477	20	THÂN HOÀNG PHÚC	Nam	20/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	8.00	6.25	
478	200478	20	LÊ HỒNG PHÚC	Nam	03/02/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.50	3.25	3.50	
479	200479	20	NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC	Nữ	14/09/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.50	3.00	2.50	
480	200480	20	TRẦN MINH PHỤNG	Nam	29/12/2010						Nguyễn Huệ				3.00	7.50	4.00	
481	200481	21	TRẦN MAI PHƯƠNG	Nữ	02/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			7.25	4.25	6.50	
482	200482	21	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	Nam	27/06/2009						Nguyễn Huệ				2.00	2.00	1.50	
483	200483	21	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	Nữ	05/10/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.75	2.00	3.50	
484	200484	21	TRƯƠNG NGUYỄN BÍCH PHƯƠNG	Nữ	18/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	5.50	5.50	
485	200485	21	VŨ QUỲNH PHƯƠNG	Nữ	28/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	6.75	5.00	
486	200486	21	HUỖNH THANH PHƯỚC	Nữ	20/05/2009						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	5.75	5.75	
487	200487	21	PHAN THỊ KIỀU PHỤNG	Nữ	13/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	5.25	5.25	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
488	200488	21	HÀNG LÊ QUÂN	Nam	14/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	8.75	8.75	
489	200489	21	ĐỖ MINH QUÂN	Nam	05/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.25	7.25	6.00	
490	200490	21	PHAN MINH QUÂN	Nam	06/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	6.25	7.75	
491	200491	21	THÁI MINH QUÂN	Nam	02/01/2010						Nguyễn Huệ				4.00	4.00	4.00	
492	200492	21	PHAN NHẬT QUÂN	Nam	19/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	6.50	5.50	
493	200493	21	ĐỖ TRƯỜNG QUÂN	Nam	22/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	6.00	5.50	
494	200494	21	TRƯƠNG TRƯỜNG QUÂN	Nam	20/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	6.50	5.00	
495	200495	21	NGUYỄN TRẦN ANH QUỐC	Nam	18/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	6.75	2.50	
496	200496	21	PHẠM HUỲNH THẢO QUY	Nữ	12/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.75	5.25	2.00	
497	200497	21	ĐỖ NGUYỄN HUYỀN QUYÊN	Nữ	11/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	3.00	2.25	
498	200498	21	PHAN THỊ CẨM QUYÊN	Nữ	01/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	4.50	4.00	
499	200499	21	TRẦN VÕ TRÚC QUYÊN	Nữ	23/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	5.75	6.25	
500	200500	21	LÂM NHƯ QUYÊN	Nữ	10/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	2.75	4.25	
501	200501	21	TRẦN CÔNG QUỲNH	Nam	15/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.25	3.75	4.50	
502	200502	21	VÕ LÊ NHƯ QUỲNH	Nữ	07/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	6.75	5.50	
503	200503	21	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	Nữ	20/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.25	4.75	4.50	
504	200504	21	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Nữ	11/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	7.00	6.75	
505	200505	22	NGUYỄN LÊ NGỌC QUÝ	Nữ	18/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.75	5.25	4.75	
506	200506	22	NGUYỄN THỊ CẨM QUÝ	Nữ	24/10/2010						Nguyễn Huệ				2.75	0.75	2.50	
507	200507	22	TRẦN TRỌNG QUÝ	Nam	26/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	6.50	4.25	
508	200508	22	TRẦN THỊ LY SA	Nữ	13/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	6.25	4.25	
509	200509	22	NGUYỄN SINH ANH SANG	Nữ	05/05/2010						Nguyễn Huệ				6.50	3.00	4.25	
510	200510	22	HUỲNH TẤN SANG	Nam	30/01/2010	1.0					Nguyễn Huệ				1.25	0.25	3.25	
511	200511	22	TÚT TẤN SANG	Nam	08/04/2010						Nguyễn Huệ				1.75	0.25	5.00	
512	200512	22	ĐẶNG VĂN SANG	Nam	20/12/2010						Nguyễn Huệ				1.50	1.25	5.00	
513	200513	22	LÊ VÕ THIÊN SANG	Nam	10/11/2009						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.00	1.25	3.00	
514	200514	22	PHẠM ĐĂNG SIÊU	Nam	05/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	8.50	6.50	
515	200515	22	ĐỖ TRƯỜNG SINH	Nam	30/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	7.25	3.50	
516	200516	22	NGUYỄN THÁI SƠN	Nam	26/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	8.50	7.50	
517	200517	22	VÂN NGUYỄN THỦY SƯƠNG	Nữ	12/08/2010						Nguyễn Huệ				1.50	2.50	5.00	
518	200518	22	NGUYỄN ÁNH TÀI	Nam	10/08/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.00	2.25	4.50	
519	200519	22	ĐOÀN CÔNG TÀI	Nam	25/09/2009						Nguyễn Huệ				3.50	3.00	3.75	
520	200520	22	NGUYỄN ĐỨC TÀI	Nam	02/09/2010						Nguyễn Huệ				0.00	0.25	2.00	
521	200521	22	NGUYỄN MINH TÀI	Nam	09/01/2009						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.50	1.50	5.00	
522	200522	22	VÕ TẤN TÀI	Nam	24/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	9.00	8.75	



STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
523	200523	22	LÊ THÀNH TÀI	Nam	06/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	9.50	8.50	
524	200524	22	NGUYỄN DUY TÂM	Nam	30/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	7.00	9.00	
525	200525	22	NGUYỄN NHẤT TÂM	Nam	22/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	8.75	9.25	
526	200526	22	PHẠM THANH TÂM	Nam	25/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	5.50	7.00	
527	200527	22	LÊ THỊ THANH TÂM	Nữ	30/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.50	7.50	5.00	
528	200528	22	PHAN TRỌNG TÂM	Nam	21/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.50	2.75	2.50	
529	200529	23	TRƯƠNG VÕ THÙY TÂM	Nữ	05/01/2010						Nguyễn Huệ				7.00	4.75	5.50	
530	200530	23	TRẦN BẢO TÂN	Nam	17/09/2010						Nguyễn Huệ				3.75	0.75	2.25	
531	200531	23	NGUYỄN LÊ NHẬT TÂN	Nam	13/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	10.00	7.75	
532	200532	23	NGUYỄN MINH TÂN	Nam	05/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.50	7.50	6.75	
533	200533	23	LÂM NHẬT TÂN	Nam	02/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	5.00	5.50	
534	200534	23	NGUYỄN THẾ THANH	Nam	01/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	5.50	4.75	
535	200535	23	NGUYỄN THỊ THU THANH	Nữ	02/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	5.50	5.50	
536	200536	23	HUỖNH ĐẠT THÀNH	Nam	25/02/2009						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.00	4.00	4.25	
537	200537	23	NGUYỄN HOÀN THÀNH	Nam	20/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	6.00	1.50	
538	200538	23	NGUYỄN VÕ VĂN THÀNH	Nam	24/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	7.00	4.00	
539	200539	23	PHẠM QUỲNH THÁI	Nam	30/11/2010						Nguyễn Huệ				5.75	4.00	3.50	
540	200540	23	LÝ PHAN NGỌC THẠCH	Nam	31/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	7.00	6.50	
541	200541	23	TRẦN PHƯƠNG THẢO	Nữ	05/05/2010						Nguyễn Huệ				6.25	6.00	5.25	
542	200542	23	VÕ PHƯƠNG THẢO	Nữ	19/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	5.50	3.50	
543	200543	23	TRẦN THỊ THANH THẢO	Nữ	23/07/2010						Nguyễn Huệ				4.75	4.50	4.75	
544	200544	23	TRẦN THỊ THU THẢO	Nữ	06/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	5.00	4.50	
545	200545	23	TỬ THỊ THU THẢO	Nữ	15/09/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.25	5.00	4.50	
546	200546	23	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	25/01/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.50	2.50	4.00	
547	200547	23	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	25/10/2010						Nguyễn Huệ				3.50	6.00	3.50	
548	200548	23	NGUYỄN THU THẢO	Nữ	12/01/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.00	3.75	3.50	
549	200549	23	NGÔ HỒNG THẨM	Nữ	23/09/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.25	1.00	3.00	
550	200550	23	TRẦN MINH THẮNG	Nam	09/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	2.50	4.25	
551	200551	23	LÊ QUANG THẮNG	Nam	26/05/2010						Nguyễn Huệ				2.25	2.00	5.00	
552	200552	23	PHAN QUỐC THẮNG	Nam	26/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.25	1.25	3.50	
553	200553	24	NGUYỄN ANH THI	Nữ	08/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	7.75	9.00	
554	200554	24	DƯƠNG THẾ THI	Nam	01/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	7.50	7.25	
555	200555	24	NGUYỄN HÙNG THANH THIÊN	Nam	17/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	5.25	4.50	
556	200556	24	NGUYỄN NGỌC THIÊN	Nam	23/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	8.25	6.50	
557	200557	24	CÁP THÀNH THIÊN	Nam	16/04/2010						Nguyễn Huệ				1.75	3.25	2.75	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
558	200558	24	NGUYỄN LÊ THỊNH	Nam	01/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	8.00	6.50	
559	200559	24	NGUYỄN QUỐC THỊNH	Nam	13/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.00	4.25	5.00	
560	200560	24	TRẦN TIẾN THỊNH	Nam	20/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	7.75	8.50	
561	200561	24	NGUYỄN TRƯỜNG THỊNH	Nam	13/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			2.75	4.25	5.00	
562	200562	24	THÁI THỊ MỸ THOA	Nữ	24/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	3.75	4.25	
563	200563	24	VĂN TIẾN THÔNG	Nam	09/03/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.25	6.00	5.25	
564	200564	24	NGUYỄN THỊ LÊ THU	Nữ	14/04/2009						Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	1.50	4.00	
565	200565	24	TỪ THỊ THANH THU	Nữ	21/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.25	2.00	3.00	
566	200566	24	PHẠM NGUYỄN NGỌC THUẬN	Nam	29/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	8.00	7.00	
567	200567	24	HÀ XUÂN THUẬN	Nam	20/03/2010						Nguyễn Huệ				4.50	4.00	2.50	
568	200568	24	NGUYỄN HOÀNG THÚY	Nữ	08/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	3.50	4.00	
569	200569	24	NGUYỄN LÊ THANH THÚY	Nữ	26/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	7.00	7.50	
570	200570	24	ĐẶNG NGUYỄN THANH THÚY	Nữ	03/05/2010						Nguyễn Huệ				5.75	0.25	2.50	
571	200571	24	NGÔ NGUYỄN THANH THÚY	Nữ	02/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	8.50	7.00	
572	200572	24	LÊ NGUYỄN THỦ	Nam	14/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.75	6.50	7.75	
573	200573	24	NGUYỄN THỊ THU THỦY	Nữ	25/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	2.50	3.75	
574	200574	24	NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	01/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	3.75	4.50	
575	200575	24	NGUYỄN HOÀI ANH THƯ	Nữ	19/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	2.75	4.25	
576	200576	24	NGUYỄN HOÀNG THƯ	Nữ	16/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	7.00	7.50	
577	200577	25	NGUYỄN HOÀNG ANH THƯ	Nữ	06/03/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.25	0.50	4.00	
578	200578	25	NGUYỄN MAI ANH THƯ	Nữ	16/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	8.25	9.00	
579	200579	25	TỬ NGUYỄN ANH THƯ	Nữ	08/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	7.25	4.50	
580	200580	25	ĐÌNH THỊ ANH THƯ	Nữ	14/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	5.00	4.50	
581	200581	25	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	17/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	7.00	7.00	
582	200582	25	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	Nữ	31/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.50	7.25	8.50	
583	200583	25	VŨ THỊ MINH THƯ	Nữ	08/03/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.50	5.75	4.75	
584	200584	25	NGUYỄN TRẦN ANH THƯ	Nữ	29/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.00	6.50	6.00	
585	200585	25	TRÀ VÔ ANH THƯ	Nữ	17/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	8.25	7.75	
586	200586	25	TRỊNH HOÀNG THƯƠNG	Nữ	04/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	10.00	9.00	
587	200587	25	HUỲNH NHƯ HOÀI THƯƠNG	Nữ	27/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	3.75	5.25	
588	200588	25	NGUYỄN THỊ KIM THƯƠNG	Nữ	26/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	4.75	4.75	
589	200589	25	CÙ THỊ THANH THƯƠNG	Nữ	07/05/2010						Nguyễn Huệ				4.50	1.50	4.25	
590	200590	25	NGUYỄN BẢO THY	Nữ	25/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	6.00	4.50	
591	200591	25	NGUYỄN KIỀU BẢO THY	Nữ	01/10/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.25	2.00	2.25	
592	200592	25	TRẦN NGỌC BẢO THY	Nữ	07/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	7.25	7.25	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
593	200593	25	HUYỀN NGUYỄN NHÃ THY	Nữ	15/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	2.75	8.25	
594	200594	25	NGUYỄN HOA CẨM TIỀN	Nữ	14/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.25	4.75	5.25	
595	200595	25	HÀNG THỊ KHẢ TIỀN	Nữ	09/10/2009						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.75	0.25	3.25	
596	200596	25	NGUYỄN THỊ MỸ TIỀN	Nữ	14/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.25	5.75	4.75	
597	200597	25	HỒ THỊ THỦY TIỀN	Nữ	16/08/2009						Nguyễn Huệ				3.75	0.50	3.50	
598	200598	25	ĐỖ CAO TIẾN	Nam	06/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			1.25	6.50	4.50	
599	200599	25	LÊ HOÀNG TIẾN	Nam	16/01/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.75	7.00	5.25	
600	200600	25	LÝ KIM TIẾN	Nam	20/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	6.75	7.25	
601	200601	26	THÁI NGUYỄN MINH TIẾN	Nam	24/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.75	1.50	3.25	
602	200602	26	NGUYỄN THANH TIẾN	Nam	11/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.50	0.50	2.25	
603	200603	26	TRẦN THỊ TIẾT	Nữ	15/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	3.00	4.25	
604	200604	26	TRẦN THANH TIỂU TÌNH	Nữ	14/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	7.25	8.50	
605	200605	26	NGUYỄN THỊ THANH TÌNH	Nữ	10/03/2010						Nguyễn Huệ				2.00	0.25	2.50	
606	200606	26	NGUYỄN VĂN TÌNH	Nam	13/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.00	0.00	2.50	
607	200607	26	LÝ KHÁNH TOÀN	Nam	03/07/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.50	1.00	2.25	
608	200608	26	TRẦN MINH TOÀN	Nam	24/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	6.50	2.75	
609	200609	26	TRẦN TRỌNG TOÀN	Nam	13/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			1.00	1.25	3.00	
610	200610	26	NGUYỄN VÔ ĐỨC TOÀN	Nam	22/12/2010						Nguyễn Huệ				3.50	1.50	2.50	
611	200611	26	NGUYỄN PHẠM HUYỀN TRANG	Nữ	07/10/2010						Nguyễn Huệ				3.75	0.25	2.25	
612	200612	26	TRẦN THỊ THỦY TRANG	Nữ	22/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	3.50	2.75	
613	200613	26	TRẦN PHƯƠNG TRÀ	Nữ	29/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	6.25	8.75	
614	200614	26	ĐÀO THỊ THANH TRÀ	Nữ	06/07/2010						Nguyễn Huệ				4.25	1.50	3.25	
615	200615	26	NGUYỄN BẢO TRÂM	Nữ	10/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	8.00	5.25	
616	200616	26	VÔ BẢO TRÂM	Nữ	07/03/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.25	8.00	9.00	
617	200617	26	NGUYỄN NGỌC TRÂM	Nữ	20/06/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.50	2.75	4.00	
618	200618	26	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	29/12/2010						Nguyễn Huệ				7.50	7.25	5.00	
619	200619	26	PHAN NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	03/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	6.50	6.00	
620	200620	26	ĐẶNG NGUYỄN THỦY TRÂM	Nữ	10/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	6.75	5.50	
621	200621	26	NGUYỄN PHẠM QUẾ TRÂM	Nữ	12/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	5.00	5.50	
622	200622	26	NGUYỄN THANH TRÂM	Nữ	09/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	8.25	7.00	
623	200623	26	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	Nữ	27/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	6.50	5.25	
624	200624	26	LÊ THỦY TRÂM	Nữ	23/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	7.00	9.00	
625	200625	27	NGUYỄN BẢO TRÂN	Nữ	09/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	7.75	7.25	
626	200626	27	HUỶNH BẢO HUYỀN TRÂN	Nữ	14/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	8.25	7.75	
627	200627	27	NGUYỄN NGỌC HUYỀN TRÂN	Nữ	25/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.25	5.50	5.00	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
628	200628	27	VÕ NGỌC PHƯƠNG	TRÂN	Nữ	12/09/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.25	2.25	4.25	
629	200629	27	THÁI NGUYỄN HUYỀN	TRÂN	Nữ	04/04/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	7.25	4.00	
630	200630	27	TRẦN NGUYỄN HUYỀN	TRÂN	Nữ	07/12/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	7.25	8.50	
631	200631	27	ĐOÀN THANH	TRÂN	Nam	09/06/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	7.50	3.25	
632	200632	27	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂN	Nữ	18/09/2010					Nguyễn Huệ				4.50	0.50	1.50	
633	200633	27	TRẦN THỊ BẢO	TRÂN	Nữ	19/02/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.00	1.75	2.75	
634	200634	27	HỒ THỊ HUYỀN	TRÂN	Nữ	27/01/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	5.25	4.25	
635	200635	27	ĐỖ THỊ QUỲNH	TRÂN	Nữ	26/02/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.00	5.75	2.25	
636	200636	27	HÀ TRẦN KHÁNH	TRÂN	Nam	02/09/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.50	4.00	6.00	
637	200637	27	ĐẶNG NGUYỄN NGỌC	TRỊ	Nam	30/04/2010					Nguyễn Huệ				4.25	1.50	3.25	
638	200638	27	VÕ THỊ THÚY	TRIỆU	Nữ	25/05/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	7.75	4.25	
639	200639	27	ĐỖ DƯƠNG KIỂU	TRINH	Nữ	31/07/2010					Nguyễn Huệ				6.00	1.75	4.75	
640	200640	27	LÊ HỒ HỒNG	TRINH	Nữ	28/08/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.75	7.50	3.00	
641	200641	27	NGUYỄN LÊ	TRINH	Nữ	11/01/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	8.50	9.75	
642	200642	27	PHAN NGỌC	TRINH	Nữ	27/08/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	7.00	6.25	
643	200643	27	HỒ QUỲNH CẨM	TRINH	Nữ	12/03/2010					Nguyễn Huệ				6.50	1.75	3.00	
644	200644	27	PHẠM THỊ KIỂU	TRINH	Nữ	01/10/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			7.00	5.00	3.75	
645	200645	27	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	Nữ	07/11/2010					Nguyễn Huệ				6.00	1.25	3.75	
646	200646	27	ĐINH XUÂN	TRỊ	Nam	13/08/2010	1.0				Nguyễn Huệ	Quang Trung			0.25	0.00	1.50	
647	200647	27	NGUYỄN	TRỌNG	Nam	04/12/2009					Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.75	1.00	4.00	
648	200648	27	NGUYỄN HỮU	TRỌNG	Nam	08/11/2009					Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.25	1.00	2.50	
649	200649	28	TRẦN PHÚ	TRỌNG	Nam	27/11/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	3.00	5.25	
650	200650	28	ĐỖ QUỐC	TRỌNG	Nam	17/12/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.00	3.00	2.50	
651	200651	28	ĐỖ MAI QUANG	TRUNG	Nam	17/03/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	7.75	7.50	
652	200652	28	VÂN NGỌC	TRUNG	Nam	25/04/2010					Nguyễn Huệ				0.50	1.25	2.75	
653	200653	28	HUỲNH PHƯỚC	TRUNG	Nam	16/10/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	7.50	7.25	
654	200654	28	HUỲNH TẤN	TRUNG	Nam	21/12/2010					Nguyễn Huệ				6.00	2.75	3.50	
655	200655	28	HUỲNH XUÂN	TRUNG	Nam	24/07/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	4.75	3.50	
656	200656	28	NGUYỄN	TRÚC	Nam	07/07/2010					Nguyễn Huệ				4.00	3.00	2.50	
657	200657	28	HUỲNH NGỌC THANH	TRÚC	Nữ	20/02/2010					Quang Trung				4.25	0.25	2.00	
658	200658	28	NGUYỄN PHAN THANH	TRÚC	Nữ	03/12/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.00	4.25	3.75	
659	200659	28	NGUYỄN THANH	TRÚC	Nữ	23/04/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	4.00	4.50	
660	200660	28	NGUYỄN THANH	TRÚC	Nữ	24/09/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	5.25	7.75	
661	200661	28	HOÀNG TRƯỞNG THANH	TRÚC	Nữ	06/09/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.00	2.50	4.25	
662	200662	28	NGUYỄN CÔNG	TRƯỜNG	Nam	22/12/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.75	4.00	3.75	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
663	200663	28	ĐẶNG NGUYỄN TẤN	TRƯỜNG	Nam	08/01/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.25	7.50	8.25	
664	200664	28	TRƯỜNG QUANG	TRƯỜNG	Nam	01/02/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.00	3.00	6.25	
665	200665	28	MAI ÁI	TRỰC	Nam	23/04/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	8.25	7.50	
666	200666	28	LÊ TRUNG	TRỰC	Nam	05/10/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.75	8.50	9.75	
667	200667	28	LÊ ANH	TUẤN	Nam	01/01/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	7.00	7.50	
668	200668	28	TRẦN ANH	TUẤN	Nam	12/10/2008					Nguyễn Huệ				2.50	1.50	4.75	
669	200669	28	NGUYỄN HÂN ANH	TUẤN	Nam	28/05/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	7.25	7.50	
670	200670	28	CAO QUỐC	TUẤN	Nam	30/06/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	7.25	8.75	
671	200671	28	HỒ QUỐC	TUẤN	Nam	06/08/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			3.25	3.75	2.50	
672	200672	28	NGUYỄN THANH	TUYỂN	Nữ	12/12/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			4.00	4.00	3.25	
673	200673	29	TRẦN THỊ THANH	TUYỂN	Nữ	16/04/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.50	8.00	9.75	
674	200674	29	NGUYỄN HỒ NGÂN	TUYỂN	Nữ	11/11/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	7.75	9.00	
675	200675	29	HUỖNH KIM	TUYỂN	Nữ	24/10/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	2.00	5.00	
676	200676	29	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỂN	Nữ	27/07/2010					Nguyễn Huệ				4.50	1.00	2.75	
677	200677	29	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỂN	Nữ	09/10/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.50	3.25	3.25	
678	200678	29	TRẦN THỊ ÁNH	TUYẾT	Nữ	06/04/2010					Quang Trung				7.00	3.50	3.00	
679	200679	29	PHẠM ANH	TÚ	Nam	27/07/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.50	1.25	4.50	
680	200680	29	NGUYỄN CẨM	TÚ	Nữ	28/04/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	7.00	8.50	
681	200681	29	LÊ DƯƠNG TUẤN	TÚ	Nam	13/09/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			7.25	2.75	2.50	
682	200682	29	TRẦN MAI CẨM	TÚ	Nữ	05/05/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	4.50	3.25	
683	200683	29	NGUYỄN VĂN	TÚ	Nam	25/06/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			5.75	0.50	2.75	
684	200684	29	HỒ NHẬT	TUỒNG	Nam	07/10/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	8.00	9.50	
685	200685	29	NGUYỄN THỊ CÁT	TUỒNG	Nữ	08/09/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	5.25	4.50	
686	200686	29	NGÔ ANH	TUỒNG	Nam	13/12/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.50	2.25	3.25	
687	200687	29	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	18/11/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.50	3.00	3.00	
688	200688	29	MAI THU	UYÊN	Nữ	04/09/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	4.75	4.00	
689	200689	29	LỖ THỤY NHẢ	UYÊN	Nữ	06/01/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.75	7.25	3.50	
690	200690	29	TRẦN VŨ THANH	VĂN	Nữ	13/08/2010					Nguyễn Huệ				5.25	1.50	3.25	
691	200691	29	TRƯƠNG THẾ	VĂN	Nam	20/01/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.50	2.25	2.75	
692	200692	29	HỒ THỊ TUỒNG	VI	Nữ	18/02/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	7.75	5.00	
693	200693	29	PHAN THỊ TUỒNG	VI	Nữ	20/07/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	7.75	6.75	
694	200694	29	HUỖNH THỊ THU	VIÊN	Nữ	08/08/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.25	1.00	2.50	
695	200695	29	TRẦN ĐÌNH	VIỆT	Nam	21/12/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	6.50	4.50	
696	200696	29	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	Nam	22/09/2010					Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.50	4.00	4.50	
697	200697	30	TRẦN NGUYỄN BẢO	VIỆT	Nam	11/02/2010					Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	3.75	4.75	

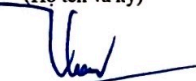
STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th. tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
698	200698	30	MAI QUỐC VIỆT	Nam	22/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.75	7.25	8.25	
699	200699	30	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	23/03/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.25	4.50	4.00	
700	200700	30	LƯƠNG THẾ VINH	Nam	07/12/2010						Nguyễn Huệ				4.25	4.25	2.75	
701	200701	30	TRỊNH VĨ VINH	Nam	12/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	5.50	4.25	
702	200702	30	NGUYỄN THANH VỊNH	Nam	06/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.25	2.75	3.75	
703	200703	30	TRẦN QUỐC ĐẠI VĨ	Nam	18/09/2010						Nguyễn Huệ				5.75	6.00	5.25	
704	200704	30	HUỶNH ANH VŨ	Nam	07/04/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	6.25	6.75	
705	200705	30	NGUYỄN ANH VŨ	Nam	24/01/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.50	5.50	4.25	
706	200706	30	TRẦN ANH VŨ	Nam	29/09/2010						Nguyễn Huệ				2.75	0.00	3.00	
707	200707	30	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Nam	21/02/2010						Nguyễn Huệ				5.25	3.00	5.00	
708	200708	30	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Nam	07/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.75	2.50	4.00	
709	200709	30	CÙ HUY VŨ	Nam	19/11/2010						Nguyễn Huệ				1.00	0.00	2.00	
710	200710	30	HUỶNH HUY VŨ	Nam	30/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			2.25	2.50	3.25	
711	200711	30	VĂN TUẤN VŨ	Nam	31/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.75	4.75	4.50	
712	200712	30	NGUYỄN HOÀNG VƯƠNG	Nam	17/04/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			7.50	7.75	6.50	
713	200713	30	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	Nam	01/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	3.25	3.75	
714	200714	30	MẠC ÁI VY	Nữ	23/10/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.75	2.75	4.25	
715	200715	30	BÙI HẠ VY	Nữ	07/10/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			7.75	3.50	4.75	
716	200716	30	TRỊNH HUỶNH NHẬT VY	Nữ	17/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	6.75	8.50	
717	200717	30	PHAN KIẾU VY	Nữ	14/10/2010						Nguyễn Huệ				6.50	1.50	3.75	
718	200718	30	PHAN LÊ THẢO VY	Nữ	10/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	6.25	4.75	
719	200719	30	ĐỖ NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	20/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.25	6.25	3.75	
720	200720	30	PHAN NGỌC TƯỜNG VY	Nữ	19/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	6.75	4.00	
721	200721	31	BÙI NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	17/06/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.25	6.50	4.50	
722	200722	31	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	04/05/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	7.00	7.00	
723	200723	31	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	26/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.75	6.75	5.00	
724	200724	31	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	26/09/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.00	7.75	8.25	
725	200725	31	TRẦN THỊ YẾN VY	Nữ	10/12/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			4.25	1.75	4.00	
726	200726	31	NGUYỄN TRẦN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	09/11/2010						Nguyễn Huệ				3.50	4.00	6.00	
727	200727	31	PHAN TRẦN YẾN VY	Nữ	07/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			3.00	5.00	4.50	
728	200728	31	ĐẶNG TƯỜNG VY	Nữ	17/02/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.25	4.75	3.25	
729	200729	31	ĐINH TƯỜNG VY	Nữ	01/12/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			5.50	6.25	5.25	
730	200730	31	PHAN TƯỜNG VY	Nữ	29/10/2010						Nguyễn Huệ				5.75	2.25	3.25	
731	200731	31	ĐỖ VÕ TƯỜNG VY	Nữ	10/08/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	4.50	2.75	
732	200732	31	NGUYỄN ANH VY	Nam	06/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	5.00	6.75	

STT	SBD	P.Thi	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm UT	Điểm KK	Th.tin ĐKDT chuyên			NV1-THPT	NV2-THPT	NV3-THPT	NV4-THPT	Điểm thi			
								ST	Ch.9	L.ch					Văn	Toán	T. Anh	Chuyên
733	200733	31	NGUYỄN TRƯỜNG VỸ	Nam	11/03/2010						Nguyễn Huệ				5.00	5.50	3.25	
734	200734	31	NGUYỄN HẢI YẾN	Nữ	16/09/2010						Nguyễn Huệ				6.75	4.25	2.75	
735	200735	31	TRẦN HẢI YẾN	Nữ	27/10/2010						Nguyễn Huệ				2.50	0.75	3.50	
736	200736	31	TRẦN NGUYỄN BẢO YẾN	Nữ	10/01/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.00	7.25	8.00	
737	200737	31	PHAN ĐẶNG NHƯ Ý	Nữ	01/07/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	7.25	4.25	
738	200738	31	NGUYỄN HOÀN NHƯ Ý	Nữ	17/10/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			7.50	4.75	6.00	
739	200739	31	NGUYỄN NHƯ Ý	Nữ	03/10/2010						Nguyễn Huệ				7.25	2.50	5.25	
740	200740	31	LÊ THỊ NHƯ Ý	Nữ	09/09/2010	1.0					Quang Trung	Nguyễn Huệ			8.00	4.75	6.50	
741	200741	31	LÊ THỊ NHƯ Ý	Nữ	14/11/2009						Nguyễn Huệ				5.00	0.25	1.75	
742	200742	31	NGUYỄN THỊ NHƯ Ý	Nữ	27/11/2010						Quang Trung	Nguyễn Huệ			6.50	6.25	4.50	
743	200743	31	TRẦN THỊ NHƯ Ý	Nữ	09/01/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.50	4.75	1.75	
744	200744	31	TRẦN THỊ NHƯ Ý	Nữ	10/05/2010						Nguyễn Huệ	Quang Trung			6.50	2.00	5.00	

NGƯỜI IN BẢNG ĐIỂM
(Họ tên và ký)


Trần Xuân Hoàng

NGƯỜI ĐỌC SOÁT BẢN IN
(Họ tên và ký)


Phan Thanh Liêm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG CHẤM THI


Võ Ngọc Sỹ

